

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Viết Vĩnh

2. Bà Dương Thị Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Thắng Lợi, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm Đ, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Chị Dương Thị T trình bày: Chị với Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1983, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã X, ngày 11/10/2012. Có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa

phương. Sau khi cưới chị về nhà anh Đ làm dâu, chung sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng sau đó chỉ một thời gian ngắn thì vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh Đ thường kiếm có gây sự với chị, đuổi chị ra khỏi nhà, khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mọi mặt, từ sinh hoạt trong gia đình, chăm lo cho con cái, đến chuyện làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Nguyễn Khắc D, sinh ngày 23/6/2013 và Nguyễn Sông T, sinh ngày 10/5/2015. Hiện nay các con còn quá nhỏ nên khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai con chung. Trường hợp anh Đ kiên quyết yêu cầu được nuôi con thì chị có nguyện vọng muốn được nuôi 1 cháu. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp Diêm Thụy, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 6 triệu đồng, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, chị có thể đảm bảo chỗ ở và kinh tế, việc chăm sóc, nuôi dạy con tốt.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Nguyễn Khắc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, trước khi cưới có tìm hiểu nhau, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới chị T về nhà anh làm dâu, sống chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn thì vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, chị T không tôn trọng anh và gia đình, hay cãi láo, xúc phạm anh. Chị T đã về bên ngoại ở từ tháng 11/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị T đề nghị ly hôn anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Nguyễn Khắc D, sinh ngày 23/6/2013 và Nguyễn Sông T, sinh ngày 10/5/2015. Khi ly hôn, vào thời điểm nay anh có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi cả hai con, không đồng ý giao

con cho chị T nuôi, đợi sau này khi cháu Thương học đến lớp 3, 4 thì anh đồng ý giao cháu Thương cho chị T vì cháu thương là con gái, lúc đó chị T có thể đón cháu Thương về để chăm sóc. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm chủ 1 xưởng cơ khí tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 12 – 15 triệu đồng, có chỗ ở ổn định, anh có thể đảm bảo tốt cuộc sống của các con, cả về thời gian chăm sóc và về kinh tế.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 49/2012 ngày 11/10/2012. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Nguyễn Khắc Đ có nơi cư trú tại Xóm Đ, xã X, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do Chị Dương Thị T xin ly hôn với Anh Nguyễn Khắc Đ là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung,

cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh Đ không tôn trọng chị và hay kiểm soát gây sự với chị, đuổi chị ra khỏi nhà, khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng ngột ngạt, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020. Anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi chửi nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả chị T và anh Đ đều xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh Đ cũng nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả con chung, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả cháu Doanh và Thương, trường hợp anh Đ không nhất trí thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 1 cháu, còn anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả cháu Doanh và cháu Thương. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thương còn nhỏ lại là con gái, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, phía anh Đ cũng xác định cháu Thương là con gái nên khi nào cháu học lớp 3 hoặc lớp 4 sẽ giao cháu Thương cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Sông T, sinh ngày 10/5/2015, anh Đ trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Khắc D, sinh ngày 23/6/2013 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Đ đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị T và anh Đ, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về Tài sản chung: Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ đều xác định không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về công nợ chung: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn Đoàn đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4]. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Dương Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Dương Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Khắc Đ.

Về quyền nuôi con chung: Giao cho Chị Dương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Sông T, sinh ngày 10/5/2015; Anh Nguyễn Khắc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khắc D, sinh ngày 23/6/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị T và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị T và anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về Tài sản chung: Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ đều xác định không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Dương Thị T và Anh Nguyễn Khắc Đ đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002604 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử công khai, có mặt Nguyên đơn (Chị Dương Thị T), Bị đơn (Anh Nguyễn Khắc Đ), báo cho những người này biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã X;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy